

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST

Ngày 13-7-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Vĩnh;

Ông Vũ Văn Thôn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2022/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 488/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn T, trú tại: Thôn I, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị H, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn I, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 02 năm 2022 và bản tự khai của nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Anh T chung sống với chị Bùi Thị H từ năm 1997 do hai bên tự nguyện, có tổ chức đám cưới dưới sự chứng kiến của hai bên gia đình, họ hàng. Sau khi cưới anh

và chị H chung sống tại thôn I, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 01 con chung, sinh năm 1999. Đến ngày 13 tháng 12 năm 2002, anh và chị H thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách không phù hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng sống ly thân nhau nhiều năm, hai bên không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Nay anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chị Bùi Thị H. Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Phạm Thị H, sinh năm 1999 đã trưởng thành nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Bùi Thị H đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị không đến tòa án để giải quyết việc anh T xin ly hôn chị. Ngày 22 tháng 6 năm 2022, chị H có đơn trình bày gửi Tòa án với nội dung: Chị xây dựng hạnh phúc với anh T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ anh T tại thôn I, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 01 con chung là Phạm Thị H, sinh năm 1999, hiện nay đã trưởng thành có gia đình riêng. Chị và anh T chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung nên mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được, chị về nhà mẹ đẻ tại thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng ở và sống ly thân với anh T nhiều năm, hai bên không còn liên lạc với nhau vì tình cảm vợ chồng không còn. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, chị đồng ý đề nghị Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng giải quyết việc anh T ly hôn chị. Do điều kiện công việc chị không có mặt tại phiên tòa ngày 13 tháng 7 năm 2022, chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị cam kết không khiếu kiện gì.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn anh Phạm Văn T đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chị Bùi Thị H không đến Tòa án để giải quyết việc anh T ly hôn chị nhưng chị H có đơn trình bày gửi Tòa án, ý kiến của chị đồng ý ly hôn anh T và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn chị Bùi Thị H. Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là Phạm Thị H, sinh năm 1999 hiện đã trưởng thành nên anh T, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài

sản chung: Anh T không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Văn T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chị Bùi Thị H. Chị Bùi Thị H có nơi cư trú tại thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn anh Phạm Văn T và bị đơn chị Bùi Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng đến năm 2002 thì anh chị thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống tại thôn I, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 01 con chung. Quá trình chung sống anh T và chị H xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh T chơi bời không quan tâm gia đình, vợ chồng mâu thuẫn được hai bên gia đình hòa giải nhưng anh T không thay đổi cách sống. Chị H về nhà mẹ đẻ tại thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng ở và sống ly thân với anh T nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T xin ly hôn chị H là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là Phạm Thị H, sinh năm 1999 đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng anh T và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Phạm Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Anh Phạm Văn T được ly hôn chị Bùi Thị H.

2. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Phạm Văn T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001181 ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Anh Phạm Văn T đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã Bát Trang;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn